TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST
Ngày 29-5-2024
V/v tuyên bố không công nhận vợ Chồng, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Xuân Vũ
- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thùy L- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06-5-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21-5-2025 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1990- Có đơn xin xét xử mặt

Địa chỉ: Thôn 4 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1988- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày: Chị T và anh Đặng Văn C, sinh năm 1988 có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, ở tại thôn 04 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y, do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên chị T và anh C không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh C chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị T và anh C đã sống ly thân từ cuối năm

2022. Chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có ba con chung tên là Đặng Thị H, sinh ngày 29-8-2007, Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16-5-2009 và Đặng Thùy L, sinh ngày 12-01-2012. Cháu H, cháu D và cháu L hiện nay đang sống cùng anh C chị T nhất trí để anh C trực tiếp nuôi cháu H cháu D và cháu L, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị T và anh C; giao ba cháu H, D, L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; chị T phải chịu án phí 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn C có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, ở tại thôn 04 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T có yêu cầu xin ly hôn anh C, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người, xét thấy: Việc chị T và anh C có quan hệ chung sống với nhau không đăng

ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này*.....". Như vậy yêu cầu này của chị T có căn cứ được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh C có ba con chung tên là Đặng Thị H, sinh ngày 29-8-2007, Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16-5-2009 và Đặng Thùy L, sinh ngày 12-01-2012. Tại phiên tòa chị T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T đề nghị: Cháu H, cháu D và cháu L hiện nay đang sống cùng anh C chị T nhất trí để anh C trực tiếp nuôi 03 cháu, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh C, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh C đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do mặc dù anh C biết việc chị T đề nghị để anh C nuôi cả 03 con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh C không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 13 tháng 3 năm 2024 ở thôn 4 Vàn, xã P, huyện L, tỉnh Y nơi chị T và anh C cư trú và sinh sống cũng xác nhận: Cháu H, cháu D và cháu L đang sống cùng anh C. Hôi đồng xét xử thấy rằng: Cháu H, cháu D và cháu L đang sống cùng anh C, nguyện vọng cả ba cháu muốn ở cùng anh C. Từ khi anh chị sống ly thân cả ba cháu vẫn sinh sống học tập ổn định cùng anh C. Để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự sáo trộn về môi trường sinh hoạt, học tập của con chung nên cần giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 15, 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao ba cháu H, cháu D và cháu L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn C.

2- Về con chung xử: Giao ba cháu Đặng Thị H, sinh ngày 29-8-2007, Đặng Thị Thùy D, sinh ngày 16-5-2009 và Đặng Thùy L, sinh ngày 12-01-2012 cho chị

anh Đặng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Bàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001634 ngày 21-02-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T, anh Đặng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân | **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã Phúc Lợi
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh